

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-02-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị N Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn

2. Ông Đỗ Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – T ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 509/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ Thường trú: Tổ 21, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B. Vắng và có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Hữu H, sinh năm 1980.

Địa chỉ Thường trú: Tổ 21, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19/11/2021, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

- Về hôn nhân:

Bà T và ông H đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân hoàn toàn tự

nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, ông H Tổng xuyên không về nhà, không lo lắng cho con cái. Hiện tại đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay và không ai quan T chăm sóc nhau. Vì con cái bà T đã nhần nhin nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung:

Bà T và ông H có 02 con chung là Đinh Hoàng Bảo N, sinh ngày 16/7/2009 và Đinh Hoàng Anh T, sinh ngày 11/5/2017. Hai con chung sống với bà T từ nhỏ đến nay, ông H đi làm công trình xây dựng không có chỗ làm ổn định, thường xuyên vắng mặt ở nhà, việc chăm sóc con cái chủ yếu do một mình bà T chăm sóc các con. Các cháu hiện nay cũng đang đi học ổn định. Do đó, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 30/12/2021, bà T xin thay đổi ý kiến, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Việc thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con là do bà T tự nguyện.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài liệu chứng cứ:

Bà T không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ Thẩm phán đã công bố, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ và không đề nghị Tòa án triệu tập thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nào khác tham gia tố tụng. Bà T đã nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập của bà T, bà không giao nộp gì thêm.

Bà T đề nghị tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải, đối chất mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định do mâu thuẫn giữa bà và ông H kéo dài đã lâu, không thể hàn gắn được.

Tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản hòa giải cùng ngày 24/12/2021 bị đơn ông Đinh Hữu H trình bày:

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, con chung, nợ chung và tài sản chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T, ông H có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông H đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên: Đinh Hoàng Bảo N, sinh ngày 16/7/2009 và Đinh Hoàng Anh T, sinh ngày 11/5/2017. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

Hiện ông H đang làm thầu xây dựng, mức lương mỗi tháng tùy theo Hợp đồng xây dựng. Hiện tại 02 con chung đang sống với bà T tại nhà của hai vợ chồng tại tổ 21, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và giấy triệu tập cho ông H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải ngày 30/12/2021 nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Ông H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà T có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

+ Về nội dung vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp nuôi con; bị đơn ông Đinh Hữu H có hộ khẩu Tòng trú tại tổ 21, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt họp lệ các văn bản tố

tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chứng cứ:

Nguyên đơn đồng ý sử dụng chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập theo Biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ ngày 30/12/2021 và Thông báo kết quả việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không có yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng; bị đơn không đến tham gia phiên tòa, không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc hoặc yêu cầu thu thập thêm chứng cứ. Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị T và ông Đinh Hữu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một (nay là thành phố Thủ Dầu Một), tỉnh Bình Dương vào ngày 29/9/2008 cho nên hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà T trình bày: Thời gian đầu bà T và ông H chung sống hạnh phúc, hòa thuận sau đó thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hiện tại không ai quan T chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Bị đơn ông H có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải ngày 24/12/2021: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà T về mâu thuẫn gia đình và ông H đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, bà T và ông H đều thừa nhận vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, không còn sống chung, không còn quan T chăm sóc nhau, ông H có ý kiến đồng ý ly hôn với bà T. Tòa án đã triệu tập ông H tham gia hòa giải lần hai vào ngày 30/12/2021 nhưng ông H không tham gia, không có ý kiến bổ sung, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Theo Biên bản xác minh ngày 27/12/2021 tại Văn phòng khu phố 4, phường Mỹ Phước, trưởng Ban điều hành khu phố cung cấp: Bà T và ông H có hộ khẩu Tòng trú tại tổ 21, khu phố 4, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bà T hiện cư trú cùng với các con tại địa chỉ trên, ông H Tòng đi làm và Tòng không có mặt ở nhà cùng bà T và con cái nhưng ông H vẫn sinh sống tại địa chỉ trên, về mâu thuẫn, nguyên nhân nảy sinh tranh chấp giữa bà T và ông H thì không rõ.

Xét thấy, giữa bà T và ông H có nảy sinh mâu thuẫn, hiện mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho bà T được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống

của bà T và ông H. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T với bị đơn ông H, bà T được ly hôn với ông H.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Bà T và ông H thống nhất trình bày giữa bà và ông H có 02 con chung là: Đinh Hoàng Bảo N, sinh ngày 16/7/2009 và Đinh Hoàng Anh T, sinh ngày 11/5/2017. Bà T yêu cầu được nuôi cháu N và cháu T, ông H cũng yêu cầu được nuôi cháu N và cháu T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2021, ông H trình bày hai con chung của ông và bà T hiện đang sống chung với bà T tại địa chỉ tổ 21, khu phố 4, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã giao cho ông H Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 57/2021/QĐ-CCTLCC ngày 24/12/2021 yêu cầu ông H cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập của ông H, chứng minh ông H có điều kiện, nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung tốt hơn bà Hoàng Thị T. Tuy nhiên, hết thời hạn Tòa án yêu cầu, ông H không đến Tòa án cung cấp tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải. Tòa án đã tổng đạt Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ gì thêm. Ngoài ra, Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Đinh Hoàng Bảo N ngày 30/12/2021, cháu N trình bày: Cháu muốn sống với mẹ vì mẹ là người quan T và chăm sóc con nhiều hơn.

Xét thấy, ông H có yêu cầu được nuôi cháu N và cháu T nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không tham gia phiên tòa chứng tỏ ông H đã từ bỏ yêu cầu chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp con chung. Bà T yêu cầu được nuôi con, các con chung đã ở với bà T ổn định từ trước đến nay, ông H làm công trình xây dựng Tờng xuyên không có mặt ở nhà, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Đối với cháu Đinh Hoàng Anh T, sinh ngày 11/5/2017 hiện còn nhỏ và đang sống ổn định với bà T.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi 02 con chung của nguyên đơn là phù hợp có căn cứ chấp nhận nên cần giao cháu Đinh Hoàng Bảo N và Đinh Hoàng Anh T cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 30/12/2021 và Biên bản lấy lời khai cùng ngày 30/12/2021, bà T thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, bà

không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T đối với bị đơn ông Đinh Hữu H về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Đinh Hữu H.

- Về con chung:

Giao cháu Đinh Hoàng Bảo N, sinh ngày 16/7/2009 và Đinh Hoàng Anh T, sinh ngày 11/5/2017 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Đinh Hữu H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Bà Hoàng Thị T và ông Đinh Hữu H đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Ông Đinh Hữu H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện các quyền này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/005442 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị N Bích